

Số: 71/QĐ-THCSTY

Tây Hoa Lư, ngày 07 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu - chi NS Quý I/2026 Của trường THCS Trường Yên

PHÓ HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS TRƯỜNG YÊN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 20/09/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán trường THCS Trường Yên.

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Công bố công khai thực hiện dự toán thu - chi NS Quý I Năm 2026 của Trường THCS Trường Yên (có biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận Kế toán, CBQL, GV, NV và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: Hồ sơ công khai;

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PHỤ TRÁCH



Trần Trung Kiên

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
03 THÁNG (THÁNG 1 ĐẾN THÁNG 3) NĂM 2026**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Trường THCS Trường Yên công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 03 tháng năm 2026 như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3/6/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3/6/9 tháng, năm) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí...				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp....				
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3/6/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước th hiện quý (3/6/9 tháng, năm) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5	6
	Phí...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.012,876	2.049,153	25,573%	
I	Nguồn ngân sách trong nước	8.012,876	2.049,153	25,573%	
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>				
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo</i>				
-	<i>Nhiệm vụ chuyển đổi số</i>				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	8.012,876	2.049,153	25,57%	102,64%
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	7.985	2.049,153	25,66%	102,64%
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	27,876	0	0,00%	0,00%
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				

Ước thực hiện quý hàng, Ước thực hiện quý hàng,

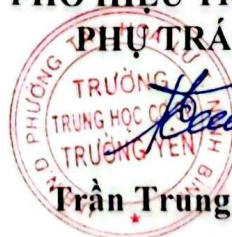
TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3/6/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3/6/9 tháng, năm) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5	6
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3/6/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3/6/9 tháng, năm) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5	6
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Tây Hoa Lư, Ngày 07 tháng 04 năm 2026

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PHỤ TRÁCH



Trần Trung Kiên

THUYẾT MINH
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
3 THÁNG (THÁNG 01 ĐẾN THÁNG 3) NĂM 2026

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1868/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của UBND phường Tây Hoa Lư về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ vào tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 3 tháng (tháng 01 đến tháng 3) năm 2026 của Trường THCS Trường Yên.

Trường THCS Trường Yên báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 3 tháng (tháng 01 đến tháng 3) năm 2026, cụ thể như sau:

Chi sự nghiệp giáo dục 3 tháng (tháng 01 đến tháng 3) năm 2026 với tổng số tiền 2.049.152.907 đồng, chiếm tỷ lệ 25,57% so với tổng dự toán, giảm 0,37% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

1. Nguồn kinh phí thường xuyên không giao tự chủ

- Dự toán năm: 27.876.000 đồng.

- Chi: 0 đồng.

2. Nguồn kinh phí thường giao xuyên tự chủ

- Dự toán: 7.985.000.000 đồng

- Chi: 2.049.152.907 đồng, chiếm tỷ lệ 25,66% so với dự toán, giảm 0,28%

so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

Chi thanh toán cá nhân: 1.967.987.000 đồng

+ Lương theo ngạch, bậc: 941.991.000 đồng

+ Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng: 61.119.000 đồng

+ Phụ cấp chức vụ: 11.934.000 đồng

+ Phụ cấp khu vực: 40.716.000 đồng

- + Phụ cấp ưu đãi nghề: 278.743.000 đồng
- + Phụ cấp trách nhiệm: 1.404.000 đồng
- + Phụ cấp thâm niên vượt khung, thâm niên nghề: 202.476.000 đồng
- + Chi khác: 137.400.000 đồng
- + Bảo hiểm xã hội: 209.435.000 đồng
- + Bảo hiểm y tế: 35.902.000 đồng
- + Bảo hiểm thất nghiệp: 11.967.000 đồng
- + Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ: 34.900.000 đồng

Chi phí nghiệp vụ chuyên môn: 60.598.707 đồng

- + Tiền điện: 7.554.678 đồng
- + Tiền nước: 1.134.030 đồng
- + Văn phòng phẩm: 5.089.800 đồng
- + Cước điện thoại: 504.499 đồng
- + Cước Internet: 687.000 đồng
- + Khoán Điện thoại: 1.600.000 đồng
- + Phụ cấp công tác phí: 600.000 đồng
- + Chi khác: 644.000 đồng
- + Thuê lao động trong nước: 27.798.000 đồng
- + Sửa chữa đường điện, cấp thoát nước: 6.636.700 đồng
- + Chi mua hàng hoá vật tư: 2.350.000 đồng
- + Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin: 6.000.000 đồng

Các khoản chi khác: 20.567.200 đồng

- + Chi kỷ niệm các ngày lễ lớn: 20.567.200 đồng

3. Đánh giá

Chi ngân sách đảm bảo theo dự toán, cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ của Nhà trường, đồng thời đảm bảo kịp thời các khoản chi chế độ cho cán bộ, viên chức, người lao động. Việc điều hành chi được bám sát nhiệm vụ theo dự toán đã được giao và quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường.

Trên đây là thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 3 tháng (tháng 01 đến tháng 3) năm 2026 của Trường THCS Trường Yên.

Nơi nhận:

- CBGVNV trường;
- Lưu: Hồ sơ công khai.

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Trung Kiên